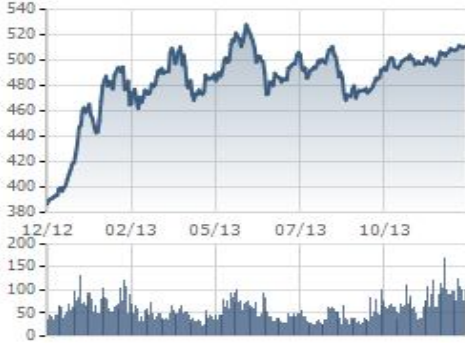


HOSE 10/12/2013

VNINDEX	511.60	0.37	0.07%
KLGD	80,981,720	CP	
GTGD	1,039.09	Tỷ	
GTR NDTNN	-	4.73	Tỷ

CP Tăng giá	84	CP
CP Giảm giá	127	CP
CP Đứng giá	93	CP



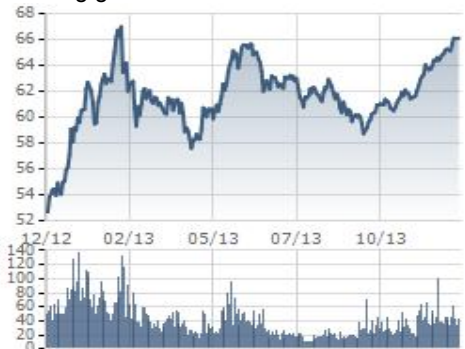
Tâm điểm

- ▶ **Bluechips níu giữ sắc xanh cho thị trường**
- ▶ **Thanh khoản sụt giảm thể hiện sự thận trọng và lưỡng lự của nhà đầu tư**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 1.300 tỷ đồng.
- ▶ **Nợ xấu tại các công ty cho thuê tài chính chiếm tỉ lệ cao nhất**
Tỉ lệ nợ xấu tại nhóm các công ty cho thuê tài chính là 43,22%
Tuổi Trẻ
- ▶ **Nhu cầu vốn ngắn hạn vẫn cao, tín dụng đang cải thiện tích cực**
Thị trường liên ngân hàng năm 2013 có những diễn biến trái chiều so với năm 2012
Gafin
- ▶ **Triển vọng tích cực của ngành dầu khí châu Á năm 2014**
Theo báo cáo của cơ quan đánh giá tín nhiệm Moody's Investors Service
Vietnamplus
- ▶ **VNM - Chi 7 triệu USD mua công ty sữa Driftwood Dairy, Hoa Kỳ**
Vinamik đã mua lại 70% cổ phần của công ty này
Trí Thức Trẻ
- ▶ **STB - khuyến nghị bán đối với cổ phiếu ngân hàng Sacombank**
S&P cũng hạ mức tín dụng từ "ổn định" xuống "tiêu cực" đối với STB
Hangntt

HNX 10/12/2013

HNXINDEX	66.14	0.02	0.03%
KLGD	39,949,668	CP	
GTGD	272.68	Tỷ	
GTR NDTNN	6.69	Tỷ	

CP Tăng giá	87	CP
CP Giảm giá	113	CP
CP Đứng giá	179	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	572.13	-1.08	-0.19%
HNX30	125.04	-0.50	-0.40%

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Theo thị trường					
HOSE	854,700	2,361	12.3	2.9	2.90
HNX	104,595	723	16.6	1.6	4.31
Toàn bộ thị trường	959,295	1,859	13.2	2.9	3.10

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	8,079	4,300	6.4	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,043	5,436	6.5	1.6	0.39
Thép và sản phẩm thép	27,523	1,560	12.7	1.6	1.84
Khai khoáng	12,111	750	39.7	4.9	0.33
Vật liệu xây dựng & Nội thất	15,047	987	12.0	1.3	1.71
Xây dựng	23,145	- 396	- 22.4	0.8	3.19
Máy công nghiệp	8,501	2,915	8.6	1.5	0.65
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,691	3,097	10.9	1.2	0.43
Lốp xe	6,177	4,405	7.7	2.3	1.28
Nuôi trồng nông & hải sản	12,526	1,641	10.8	1.2	1.96
Thực phẩm	200,470	3,861	22.0	5.7	0.76
Dược phẩm	13,662	5,962	10.7	3.1	0.79
Phần mềm	13,322	5,015	8.2	1.9	1.11
Sản xuất & phân phối điện	21,280	2,218	6.6	1.3	1.19
Phân phối xăng dầu & khí đốt	127,569	6,178	9.5	3.6	0.45
Bảo hiểm nhân thọ	27,559	1,618	25.0	2.3	3.18
Môi giới chứng khoán	17,223	695	14.4	0.9	0.58
Ngân hàng	201,653	1,666	10.4	1.3	9.66
Bất động sản	127,838	1,345	16.9	2.8	2.03
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,487	3,971	8.4	1.4	1.45

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Nợ xấu tại các công ty cho thuê tài chính chiếm tỉ lệ cao nhất

Nhu cầu vốn ngắn hạn vẫn cao, tín dụng đang cải thiện tích cực

Triển vọng tích cực của ngành dầu khí châu Á năm 2014

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

SBC - Quý 3 lỗ hẹp nhất tạm tính hơn 17 tỷ đồng

VNM - Chi 7 triệu USD mua công ty sữa Driftwood Dairy, Hoa Kỳ

SHB - Muốn trở thành cổ đông chiến lược của TLG và Cienco 8

► Tin kinh tế

Đó là thông tin được ông Nguyễn Hoàng Minh (đại biểu HĐND TP.HCM, phó giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP) cho biết tại thảo luận tổ chiều 9-12 trong chương trình làm việc ngày thứ nhất kỳ họp thứ 12 HĐND TP khai mạc sáng cùng ngày. Theo ông Minh, tỉ lệ nợ xấu tại nhóm các công ty cho thuê tài chính chiếm cao nhất là 43,22%, kể đến là nhóm các công ty tài chính chiếm 22,92%, còn lại là nhóm các ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng cổ phần, ngân hàng liên doanh.

Thị trường liên ngân hàng năm 2013 có những diễn biến trái chiều so với năm 2012. Cụ thể là tổng doanh số giao dịch cũng như giao dịch bình quân/ngày trên thị trường giảm mạnh so với năm 2012 cho thấy thanh khoản của hệ thống ngân hàng được cải thiện. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh số giao dịch dưới 1 tháng tăng so với năm 2012 cho thấy nhu cầu vốn ngắn hạn vẫn cao và thanh khoản chưa thực sự bền vững. Doanh số giao dịch cũng như lãi suất bình quân những tháng cuối năm 2013 có xu hướng tăng mạnh so với cùng kỳ cho thấy tín dụng đang được cải thiện

Cơ quan đánh giá tín nhiệm Moody's Investors Service vừa công bố một báo cáo nghiên cứu nhận xét tích cực về hoạt động thăm dò và khai thác của ngành công nghiệp dầu mỏ và khí đốt châu Á trong năm 2014. Báo cáo đưa ra nhận định rằng hoạt động tinh chế và tiếp thị trong lĩnh vực này cũng sẽ tiếp tục ổn định. Theo dự báo của Moody, thu nhập trước lãi, thuế và khấu hao (EBITDA) của ngành dầu khí châu Á sẽ tăng hơn 5% khi đầu tư khoan thăm dò gia tăng và việc khai thác các mỏ mới sẽ cải thiện doanh thu và lợi nhuận của các công ty trong ngành.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn (HOSE: SBC) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2013 với doanh thu thuần 314 tỷ đồng, tăng 29% so cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế âm 17.4 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ có lãi 2.2 tỷ đồng. Theo giải trình của SBC, số dĩ hoạt động kinh doanh âm do đơn giá vận chuyển hiện đang ký với khách hàng là tạm tính, công ty đang thương thảo để quyết toán năm. Ngoài ra, các chi phí xăng dầu, chi phí liên quan vận tải cũng tăng làm giá thành vận tải tăng cao. Các công ty con cũng kinh doanh bị lỗ.

Công ty cổ phần sữa Việt Nam-Vinamilk (HOSE: VNM) vừa công bố thông tin nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài về việc chi 7 triệu USD mua lại 70% cổ phần của công ty Driftwood Dairy tại bang California, Hoa Kỳ. Thông tin về Driftwood Dairy từng được Vinamilk đề cập trong báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm 2013. Tuy nhiên, thời điểm đó thì mọi thông tin vẫn đang trong quá trình đàm phán và triển khai. Cùng thời điểm với phán quyết đầu tư vào Driftwood Dair, Vinamilk cũng thông qua việc tăng vốn đầu tư vào công ty sữa ở Newzealand là Miraka.

Ngày 10/12, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) và Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (TLG), Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (Cienco 8) đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện nhằm khai thác, phát huy lợi thế và hỗ trợ hoạt động kinh doanh của mỗi bên. Theo thỏa thuận này, SHB và các Tổng Công ty sẽ tăng cường hợp tác toàn diện trong quá trình hoạt động và phát triển, xúc tiến các hoạt động góp vốn, liên doanh đa ngành, đa lĩnh vực, đa mô hình quản lý để khai thác tốt nhất thế mạnh, lĩnh vực kinh doanh truyền thống của mỗi bên và tiềm năng của thị trường trong và ngoài nước.

HOSE 10/12/2013 VNINDEX 511.60 0.37 0.07% 80,981,720 CP 1,039.09 bil VND

Bluechips níu giữ sắc xanh cho thị trường

VN-Index tăng 0.37 điểm (+0.07%), đóng cửa tại mức 511.60 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, thêm một cây nến Doji nữa xuất hiện và vẫn dao động trong biên độ 510 - 513.

- 2 đường MA10 và MA20 tiếp tục đi lên và đang rất gần với đường giá.

- Tín hiệu MACD Histogram đi ngang tăng khả năng cắt xuống đường tín hiệu thời gian tới.

- Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại.

- Dải Bolinger Band đang thắt lại, xu hướng đi ngang của VN-Index vẫn tiếp diễn.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.5 (6.2%)	11,339,720
ITA	0 (0.0%)	4,080,240
VHG	-0.5 (-5.9%)	3,182,360
HQC	0.1 (1.4%)	2,892,370
REE	-0.2 (-0.7%)	2,040,610

HOSE Top 5 theo % tăng

TIC	0.7 (6.9%)	48,880
KAC	0.5 (6.8%)	9,140
SC5	1.4 (6.8%)	28,830
GTA	0.6 (6.8%)	25,130
GSP	0.7 (6.5%)	500,980

HOSE Top 5 theo % giảm

HTV	-1.7 (-9.8%)	44,920
PXM	-0.1 (-7.7%)	109,100
HVX	-0.3 (-7.0%)	1,120
NVN	-0.2 (-6.9%)	24,410
VNH	-0.5 (-6.8%)	275,290

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	9,4 tỷ	152,690
VSH	8,0 tỷ	553,050
GMD	5,0 tỷ	146,500
HPG	4,1 tỷ	105,040
DPM	3,1 tỷ	75,990

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-14,2 tỷ	200,170
MSN	-12,2 tỷ	137,120
HAG	-9,2 tỷ	438,640
DRC	-4,3 tỷ	107,710
CII	-2,4 tỷ	131,120

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	516,780	- 4.73

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Các mã vốn hóa lớn như MSN, GAS, VNM... xanh nhẹ khiến cho đà tăng của VN-Index không phản ánh hết được bức tranh thị trường. Số mã giảm điểm vẫn chiếm ưu thế.
- ▶ Thanh khoản sụt giảm, dù dòng tiền vẫn đang ở lại với thị trường và xoay vòng giữa từng nhóm cổ phiếu nhưng nhìn chung đà hưng phấn đang yếu dần đi.
- ▶ Thị trường nhiều khả năng sẽ tiếp tục tích lũy vùng 510 - 513 điểm. Kỳ vọng thông tin về việc nới "room" khối ngoại sẽ giúp thị trường bứt phá thời gian tới.
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ phiên hôm nay, nhưng vẫn chưa có nhiều điều đáng lo ngại. Tuy nhiên, rủi ro giảm điểm sẽ lớn lên nếu khối này bán ròng trở lại.
- ▶ NĐT nên hạn chế sử dụng margin vùng này, việc nắm giữ cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt và kín "room" ngoại vẫn được ưu tiên tuy nhiên xung lực tăng của TT đang yếu dần...

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	65.0	123,175.00	6,696	9.6	3.7	0.40
VNM	833.5	140.0	116,686.50	8,053	17.3	6.9	0.22
VIC	908.7	71.5	64,974.04	6,710	10.6	4.0	2.74
VCB	2,317.4	27.8	64,424.19	1,757	15.9	1.6	9.59
MSN	734.9	87.5	64,304.74	556	156.4	4.9	1.77
CTG	3,723.4	17.1	63,670.22	2,287	7.5	1.3	9.54
BVH	680.5	40.1	27,286.90	1,618	25.0	2.3	3.18
STB	1,142.5	17.1	19,536.95	703	24.6	1.2	8.60
PVD	275.3	62.0	17,066.21	6,609	9.5	1.6	1.13
HPG	419.1	39.2	16,426.86	3,913	10.0	1.8	1.41

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

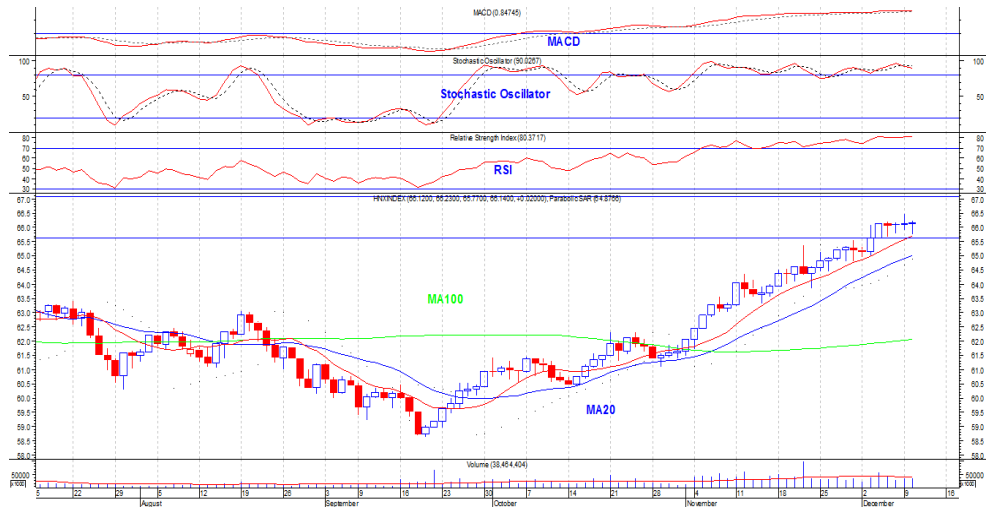
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.8	2,977.28	19.0	1.1	NA	T.ĐỒI
PPC	318.2	25.5	8,112.94	4.2	1.6	NA	T.ĐỒI
PHR	78.5	32.6	2,558.78	6.3	1.3	31.0	GIỮ
BMP	45.5	72.0	3,274.45	8.5	2.2	NA	T.ĐỒI
VSC	28.6	53.0	1,518.24	6.6	1.8	NA	T.ĐỒI
DPM	379.9	41.3	15,691.28	6.3	1.6	NA	T.ĐỒI

HNX 10/12/2013 HNX-Index 66.14 0.02 0.03% 39,949,668 CP 272.68 bil. VND

Bluechips níu giữ sắc xanh cho thị trường

Chỉ số HNX-Index tăng 0.02 điểm (+0.03%), đóng cửa tại mốc 66.14 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, cây nến Doji thứ 4 liên tiếp của sàn này, thể hiện sự giằng co mạnh của chỉ số HNX-Index.

- 2 đường MA10 và MA20 hướng lên cho thấy xu hướng tăng điểm của sàn này đang khá mạnh.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục đi xuống.
- MACD đang đi xuống, tăng khả năng cắt đường tín hiệu.
- RSI (14) vẫn ở vùng quá mua, duy trì trên mức 80.



HNX Top 5 theo KLGD

SHN	0.1 (7.1%)	7,125,040
PVL	0.3 (9.7%)	2,288,500
VCG	0.2 (1.9%)	2,195,690
PVX	-0.1 (-4.0%)	2,101,080
KLS	-0.1 (-1.1%)	1,859,550

HNX Top 5 theo % tăng

KTT	0.3 (10.0%)	4,700
SD7	1.2 (10.0%)	180,000
SFN	1.3 (10.0%)	100
VIE	0.3 (10.0%)	1,500
TH1	3 (9.8%)	300

HNX Top 5 theo % giảm

HAT	-3.2 (-10.0%)	200
SEB	-3 (-10.0%)	6,000
TET	-1.4 (-10.0%)	100
HTB	-2.9 (-10.0%)	3,300
KST	-0.6 (-9.4%)	200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	5,0 tỷ	265,000
OCH	0,8 tỷ	30,000
SDH	0,3 tỷ	65,200
DAD	0,2 tỷ	15,000
SED	0,2 tỷ	14,200

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

BVS	-0,2 tỷ	20,500
VIG	-0,2 tỷ	60,000
AMV	-0,1 tỷ	16,100
DXP	-0,1 tỷ	2,500
PVG	-0,1 tỷ	8,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	355,353	6.69

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index gần như giảm điểm cả phiên, chỉ có 1 vài thời điểm chỉ số này bật xanh. Sự tích cực ở VCG, ACB...giúp HNX-Index xanh nhẹ cuối phiên.
- ▶ Thanh khoản sụt giảm mạnh, dù dòng tiền vẫn đang ở lại với thị trường và xoay vòng giữa từng nhóm cổ phiếu nhưng nhìn chung đà hưng phấn đang yếu dần đi.
- ▶ Động lực tăng điểm vẫn còn, mặc dù vậy những cây nến Doji liên tục xuất hiện cho thấy sự thận trọng và lưỡng lự lớn dần lên. Rủi ro giảm điểm gia tăng.
- ▶ Khối ngoại vẫn giữ nhịp mua ròng ở sàn này. Điều này giúp củng cố niềm tin cho nhà đầu tư khá nhiều.
- ▶ Việc nắm giữ các mã có yếu tố cơ bản tốt sẽ được ưu tiên nhiều hơn, hạn chế sử dụng margin và mua mới thêm khi thị trường có thể có thêm những nhịp điều chỉnh.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	15.6	14,375.64	1,027	15.2	1.1	11.53
SQC	110.0	78.2	8,602.00	198	395.7	6.4	0.24
PVS	446.7	18.7	8,353.30	2,872	6.5	1.1	2.15
SHB	886.1	7.0	6,202.58	1,884	3.7	0.6	10.63
OCH	200.0	25.4	5,080.00	687	37.1	2.4	0.95
VCG	441.7	10.6	4,682.13	403	25.8	0.9	3.58
PVI	226.3	16.5	3,733.20	1,239	13.4	0.6	0.81
LAS	77.8	36.3	2,825.30	5,181	6.9	2.2	1.11
NTP	43.3	58.5	2,535.27	7,195	8.3	2.1	0.44
VNR	100.8	22.8	2,298.87	3,470	6.4	0.9	0.91

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.5	1,083.00	5.2	1.2	NA	T.ĐỒI
AAA	19.8	17.7	350.46	5.2	0.7	NA	T.ĐỒI
VND	100.0	10.3	1,029.74	8.1	0.8	NA	T.ĐỒI
NTP	43.3	58.5	2,535.27	8.3	2.1	NA	T.ĐỒI
LHC	2.0	54.5	109.00	2.3	1.0	NA	T.ĐỒI
DXP	7.9	44.2	348.07	5.6	1.6	NA	T.ĐỒI

Hang T. Nguyen

hangntt@vietinbanksc.com.vn

Mã CK STB
Tên công ty Sacombank
Sở giao dịch HOSE
Ngành Ngân hàng
SLCPLH 1142.51 triệu CP
GTVH (tỷ) 19,765 tỷ VND

Giá hiện tại **17.3**
 Giá mục tiêu **13.5**

BÁN

► STB: S&P hạ mức tín dụng từ 'ổn định' xuống 'tiêu cực'

S&P hạ mức triển vọng tín nhiệm dựa trên chiến lược tăng trưởng tham vọng của STB, điều mà có thể gây khó khăn cho ngân hàng trong việc quản trị rủi ro. Tuy tỉ lệ nợ xấu của ngân hàng chưa đạt ngưỡng nguy hiểm (2.25%), nhưng STB nằm trong số những ngân hàng có tổng nợ xấu cao (đứng thứ 7 với 2459 tỷ đồng). Chất lượng tài sản không tốt cùng với dự định chia cổ tức ở mức cao cũng là lý do khiến cơ quan đánh giá quan ngại về tương lai phát triển của STB.

Nhận định: STB là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ 9 trong ngành với thị trường cho vay chiếm khoảng 3% tại thời điểm cuối 2012. Năm 2013 với bối cảnh chung về nguy cơ nợ xấu, tiêu chí hoạt động an toàn đặt lên hàng đầu, STB vẫn báo cáo lãi ấn tượng tuy đã trích lập dự phòng thêm 48.3% trong Q3 so với cùng kì. Tuy nhiên việc tăng trưởng tín dụng 15%, cao hơn nhiều so với 5% toàn ngành, khiến S&P khá bị quan về diễn biến tương lai sau khi tăng trưởng nóng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, lợi nhuận trước thuế tăng 2,3% và đạt 2,217 tỷ đồng còn lợi nhuận sau thuế tăng 4.6% và đạt 1,658 tỷ đồng. Trong đó, các hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán vẫn gánh chịu những khoản lỗ, nhưng đã giảm rất nhiều so với cùng kì năm ngoái (từ - 600 tỷ đồng xuống còn -250 tỷ đồng). Khoản đóng góp vào lợi nhuận nhiều nhất vẫn là những khoản từ thu nhập lãi.

Tại thời điểm cuối tháng 9, tăng trưởng tín dụng đã đạt 13.3% so với mục tiêu 17%, tổng tài sản đã tăng 12.04% so với kế hoạch 12%, lợi nhuận trước thuế đã đạt gần 70% so với kế hoạch là 3,200 tỷ đồng. STB có rất nhiều khả năng đạt chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm nay.



Các chỉ số lợi nhuận ROA và ROE của STB đều giảm nhẹ so với cùng kì năm ngoái (lần lượt là 1.08% xuống 1.05% và 11.11% xuống 10.09%) do sự tăng trưởng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lớn hơn sự tăng trưởng của lợi nhuận.

Tính thanh khoản của STB khá tốt khi tỉ lệ cho vay/ tiền gửi khách hàng nhỏ hơn 100%. Tuy nhiên chất lượng tài sản đang xấu dần do sự tăng lên mạnh của nợ nhóm 5 (từ 897 tỷ đồng lên 1,289 tỷ đồng).

Cổ phiếu STB đang giao dịch gần ngưỡng kháng cự 17.4 đã thiết lập hồi đầu tháng 12 với hệ số P/E đang rất cao so với trung bình ngành. Giá cổ phiếu STB được dự đoán có nhiều khả năng giảm trong thời gian tới.

Theo phương pháp so sánh chỉ số, cổ phiếu STB được định giá ở mức 13.5, thấp hơn 22% so với mức giao dịch hiện tại là 17.2, khuyến nghị 'BÁN' đối với cổ phiếu STB.

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	12Q2	12Q3	12Q4	13Q1	13Q2	13Q3
Thu nhập lãi thuần	1,500.2	1,675.5	1,789.4	1,810.8	1,630.9	1,606.9
Thu nhập dịch vụ	219.2	242.8	- 24.5	233.9	239.2	301.1
Thu nhập HDKD khác	139.2	- 144.9	- 509.1	153.4	- 253.3	138.4
Chi phí hoạt động	1,009.3	1,071.6	1,205.4	1,097.6	950.5	1,183.2
Lãi ròng	366.2	411.3	- 871.0	675.7	473.4	508.7
Tổng dư nợ	92,867	98,765	102,462	105,566	114,685	116,234
Tài sản khác	51,787	48,583	49,453	52,983	45,674	41,577
Tổng tài sản	144,654	147,348	151,915	158,548	160,359	157,811
Công nợ	130,802	133,076	138,503	144,205	146,112	141,380
Vốn chủ sở hữu	13,852	14,272	13,413	14,343	14,246	16,431

Một số công ty cùng lĩnh vực hoạt động

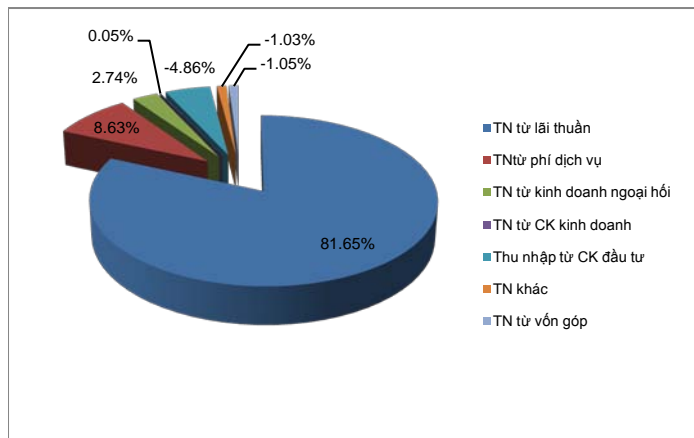
Mã CK	SLCPLH	Giá	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	ROA
ACB	921.5	15.6	14,375.64	1,027	15.2	1.1	0.56%
CTG	3,723.4	17.1	63,670.22	2,287	7.5	1.3	1.29%
EIB	1,235.5	13.3	16,432.45	965	13.8	1.1	0.75%
MBB	1,125.6	12.7	14,295.44	2,038	6.2	0.9	1.24%
NVB	297.7	6.8	2,024.15	- 278	- 24.5	0.6	-0.36%
SHB	886.1	7.0	6,202.58	1,884	3.7	0.6	1.51%
STB	1,142.5	17.3	19,765.45	703	24.6	1.2	0.50%
VCB	2,317.4	28.0	64,887.68	1,757	15.9	1.6	0.95%

Chỉ số bình quân ngành

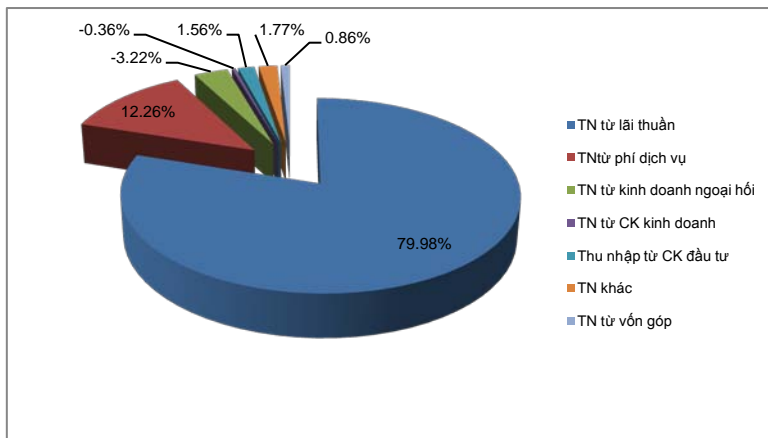
Ngân hàng	201,653.00	1,664	10.4	1.3	0.99%
-----------	------------	-------	------	-----	-------

► Cơ cấu doanh thu thuần

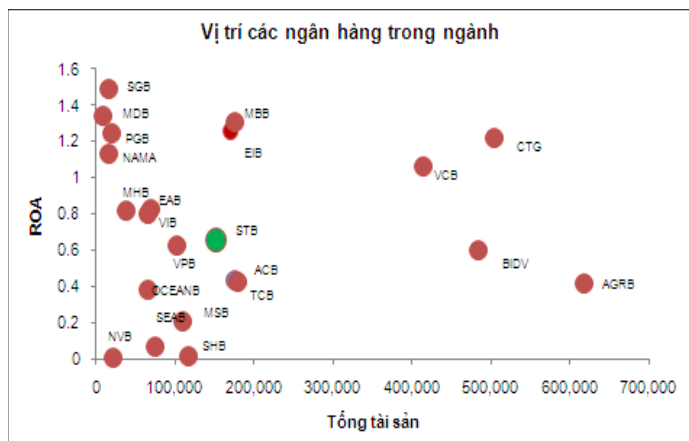
2012



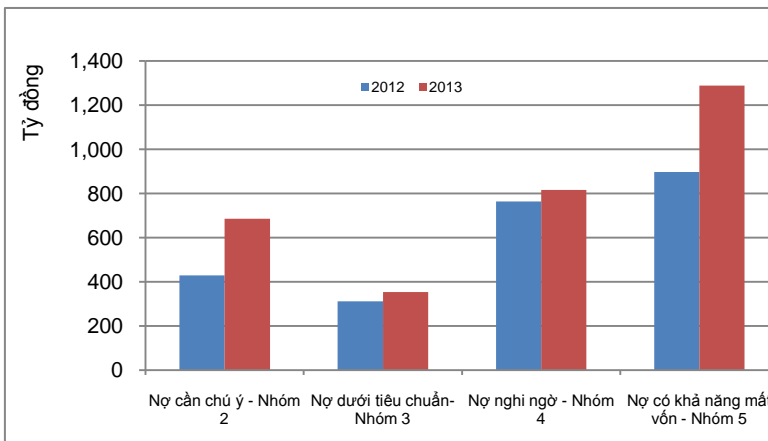
9 tháng 2013



Vị trí của STB so với toàn ngành



Nợ phân theo nhóm



KẾT QUẢ KINH DOANH					BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
	2009	2010	2011	2012		2009	2010	2011	2012
Tổng doanh thu	8,931	12,967	18,777	17,226	Tiền mặt & tương đương	11,336	16,297	14,217	13,983
Thu nhập lãi ròng	2,303	3,891	5,842	6,497	Tiền gửi/cho vay TCTC khác	15,200	21,210	9,673	7,960
Thu nhập lãi	7,138	11,802	17,864	16,870	Chứng khoán kinh doanh	850	2,280	349	1,272
Chi phí lãi	(4,835)	(7,911)	(12,022)	(10,372)	Cho vay khách hàng	59,141	81,664	77,669	92,669
Thu nhập ngoài lãi	1,793	1,165	913	356	Chứng khoán đầu tư	9,912	21,525	24,368	19,923
Tổng thu nhập hoạt động	4,096	5,056	6,755	6,853	Đầu tư dài hạn khác	603	651	2,463	2,057
Chi phí hoạt động	(1,639)	(2,178)	(3,589)	(4,154)	Tài sản cố định	2,481	3,136	3,439	4,769
Chi phí dự phòng	(282)	(318)	(395)	(1,331)	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
LNR trước thuế	2,175	2,560	2,771	1,368	Tài sản khác	3,886	5,618	7,955	8,265
Thuế	(504)	(650)	(775)	(365)	Tổng tài sản	104,019	152,387	140,137	151,282
LNR sau thuế	1,671	1,910	1,996	1,002	Vay NHNN	3,614	4,820	2,130	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	71	-	Tiền gửi/vay từ TCTD khác	2,739	15,410	12,441	4,685
LNR sau lợi ích thiểu số	1,671	1,910	2,066	1,002	Huy động từ dân cư	60,516	78,335	74,800	107,087
EPS	2.493	2.081	1.924	0.933	Giấy tờ có giá	24,353	30,680	22,143	11,981
					Nợ khác	2,020	8,447	14,399	14,115
					Tổng nợ	93,242	137,692	125,913	137,868
					Vốn	6,700	9,179	10,740	10,740
					Sổ phiếu quỹ	-	-	(1,451)	(1,507)
					Vốn khác	1,378	1,752	1,673	1,673
					Quỹ	1,005	1,328	1,505	1,597
					Lợi nhuận giữ lại	1,464	1,760	1,757	912
					Tổng vốn chủ sở hữu	10,547	14,018	14,224	13,414
					Cổ đông thiểu số	230	677	-	-
					Tổng nợ & vốn CSH	104,019	152,387	140,137	151,282
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH					TĂNG TRƯỞNG				
	2009	2010	2011	2012		2009	2010	2011	2012
Khả năng sinh lợi					Tài sản		46.5%	-8.0%	8.0%
Thu nhập lãi/tổng thu nhập	56.2%	76.9%	86.5%	94.8%	Vốn CSH		32.9%	1.5%	-5.7%
Thu nhập ngoài lãi/Tổng TN	43.8%	23.1%	13.5%	5.2%	Cho vay khách hàng		38.1%	-4.9%	19.3%
					Huy động từ dân cư		29.4%	-4.5%	43.2%
Tỷ lệ lãi biên	32.3%	33.0%	32.7%	38.5%	Thu nhập lãi		65.3%	51.4%	-5.6%
Chi phí/Thu nhập	67.7%	67.0%	67.3%	61.5%	Chi phí lãi		63.6%	52.0%	-13.7%
Khả năng thanh toán					Thu nhập lãi ròng		68.9%	50.2%	11.2%
Dư nợ KH/huy động KH	97.7%	104.2%	103.8%	86.5%	Thu nhập ngoài lãi		-35.0%	-21.7%	-61.0%
Dư nợ KH/Tổng huy động	93.5%	87.1%	89.0%	82.9%	Thu nhập hoạt động		23.4%	33.6%	1.5%
					Chi phí hoạt động		32.9%	64.8%	15.7%
Hệ số an toàn vốn					Lợi nhuận trước thuế		17.7%	8.2%	-50.6%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	Lợi nhuận ròng		14.4%	4.5%	-49.8%
Chất lượng tín dụng									
Nợ xấu/tổng dư nợ	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%					
Dự phòng/nợ xấu	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%					
Tỷ suất sinh lời									
ROA	1.6%	1.3%	1.5%	0.7%					
ROA	15.8%	13.6%	14.5%	7.5%					

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,079	4,300	6.4	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,043	5,436	6.5	1.6	0.39
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,033	302	18.3	0.4	2.08
Sản xuất giấy	601	397	17.7	0.7	1.00
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	27,523		12.7	1.6	1.84
Khai khoáng					
Khai thác than	1,407	312	29.7	0.7	5.21
Khai khoáng	12,111	750	39.7	4.9	0.33
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	15,047	987	12.0	1.3	1.71
Xây dựng	23,145	396	22.4	0.8	3.19
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,019	2,581	7.0	1.1	1.04
Công nghiệp phức hợp	357	1,656	5.2	0.5	0.35
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,622	1,284	10.4	1.3	1.06
Thiết bị điện	1,499	438	12.9	0.6	1.13
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	29	53	99.7	0.4	0.43
Máy công nghiệp	8,501	2,915	8.6	1.5	0.65
Vận tải					
Vận tải thủy	6,647	2,796	2.8	0.8	1.76
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,691	3,097	10.9	1.2	0.43
Dịch vụ vận tải	4,533	1,673	10.1	1.4	0.80
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,678	1,805	8.4	1.0	2.94
Đào tạo & Việc làm	210	369	21.0	0.6	1.97
Nhà cung cấp thiết bị	165	885	8.6	0.8	2.42
Chất thải & Môi trường	112	6,501	1.8	0.6	1.31
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,838	1,077	13.7	4.2	36.51
Lốp xe	6,177	4,405	7.7	2.3	1.28
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,268	2,750	6.4	1.0	0.88
Vang & Rượu mạnh	204	1,484	15.3	1.6	1.01
Đồ uống & giải khát	198	3,598	5.2	1.0	0.41
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,526	1,641	10.8	1.2	1.96
Thực phẩm	200,470	3,861	22.0	5.7	0.76
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	37	692	4.5	0.5	0.31
Thiết bị gia dụng	1,981	2,036	8.0	1.0	1.17
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	163	4,808	3.7	1.4	0.45
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,539	2,422	8.4	1.2	1.60
Giày dép	6	1,938	1.9	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,714	3,085	9.7	1.6	0.91
Thuốc lá					
Thuốc lá	710	-	27.7	0.9	2.74

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,057	2,542	7.3	1.0	0.61
Dụng cụ y tế	85	5,281	2.4	1.1	1.30
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	157	870	15.8	1.0	0.43
Dược phẩm	13,662	5,962	10.7	3.1	0.79
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	387	453	67.9	1.2	2.65
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	577	471	28.6	0.9	1.08
Phân phối hàng chuyên dụng	2,684	3,177	8.4	1.6	3.91
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2,492	3.3	0.4	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	980	1,589	6.9	0.8	0.63
Du lịch và giải trí					
Hàng không	99	4,511	7.3	2.2	1.04
Khách sạn	5,573	583	39.8	2.4	0.90
Dịch vụ giải trí	1,960	605	21.1	1.6	0.82
Vận tải hành khách & Du lịch	1,074	914	18.9	1.9	0.53
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	36	628	8.4	0.3	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	439	63	82.3	0.6	1.30
Internet	333	72	62.7	0.8	3.45
Phần mềm	13,322	5,015	8.2	1.9	1.11
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	297	555	12.9	0.5	1.43
Thiết bị văn phòng	196	3,383	4.6	0.7	0.21
Thiết bị viễn thông	1,940	711	14.1	0.7	0.33
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,280	2,218	6.6	1.3	1.19
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	127,569	6,178	9.5	3.6	0.45
Nước	924	2,445	4.9	0.9	0.62
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,100	959	9.6	0.8	1.93
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,802	1,272	11.2	0.7	0.87
Tái bảo hiểm	2,238	3,470	6.4	0.9	0.91
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,559	1,618	25.0	2.3	3.18
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,450	196	58.6	1.1	2.61
Môi giới chứng khoán	17,223	695	14.4	0.9	0.58
Ngân hàng					
Ngân hàng	201,653	1,666	10.4	1.3	9.66
Bất động sản					
Bất động sản	127,838	1,345	16.9	2.8	2.03
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	720	4.6	0.4	1.03
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,487	3,971	8.4	1.4	1.45

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.